

thẩm số 426/2020/HSST. Ngày 29/6/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Đinh Văn D, để giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tại Bản án hình sự phúc thẩm số 268/2021/HSPT. Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam số 6 Cục C10 Bộ Công an theo Quyết định thi hành án số 341 ngày 13/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Nguyễn Xuân L; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 22 tháng 8 năm 1974; nơi ĐKKHTT: Khối phố Vĩnh H1, phường Thạch L, Thành phố Hà T1, tỉnh Hà Tĩnh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Nguyên là Giám đốc công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Tân Đại V; con ông Nguyễn Xuân B và con bà Trần Thị H; có vợ là Nguyễn Thương H3 và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2011). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/12/2020 đến ngày 23/01/2021, hiện bị cáo tại ngoại.

* *Người bào chữa cho bị cáo Đinh Văn D:* Các luật sư Nguyễn Văn Ch, Ngô Thị Thu H, Chử Văn C - Công ty Luật TNHH thực hành luật Nguyễn C1, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân L:* Theo phân công của Đoàn luật sư tỉnh Hà Tĩnh, Luật sư Phạm Văn A – Đoàn luật sư tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Ngân hàng BIDV Việt Nam; địa chỉ: Tháp BIDV, số 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phan Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Anh V - Chuyên viên Ban Pháp chế BIDV và ông Trần Đại D - Phó Giám đốc BIDV - Chi nhánh Hà Tĩnh; Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Luật sư Trần Đăng M - Công ty luật TNHH Hồng Đ, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty cổ phần chăn nuôi Bình H; địa chỉ: Số 02, Nguyễn Đình L, thị trấn Cẩm X, huyện Cẩm X1, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Chí D – Chủ tịch hội đồng quản trị. Có mặt.

Theo bản án sơ thẩm đã xác định có 89 người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng không có người nào kháng cáo và chỉ có mặt tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần chăn nuôi Bình H4; ông Trần Anh Q1; Bà Nguyễn Khuê P ; Anh Võ Phi L2; Ông Kiều Đình H5; Chị Lê Thị Vân A; Anh Văn Ngọc T5; Anh Nguyễn Duy T6.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần chăn nuôi Bình H (viết tắt là Công ty Bình H), có địa chỉ tại xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh được thành lập theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 3001905582 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 10/4/2015, với số vốn điều lệ đăng ký **200 tỷ đồng**, do 03 cổ đông sáng lập góp vốn, gồm: Đinh Văn D (sinh ngày 21/7/1965, trú tại số 44, đường Lê Hồng P, thành phố P, tỉnh Gia L1) góp vốn tỷ lệ 45%; Thái Thành V (sinh ngày 27/11/1985, hộ khẩu thường trú tại số 406/55 đường Cộng H, phường 13, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh) góp vốn tỷ lệ 30%; Trần Anh Q (sinh ngày 22/12/1982, trú tại căn 1301 Chung cư Hoàng Anh Gia L, phường Hải C, thành phố Quy N, tỉnh Bình Định) góp vốn tỷ lệ 25%. Ngay sau khi các cổ đông đăng ký và tham gia góp vốn đến khi thành lập, dự án được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt và đi vào hoạt động. Hội đồng quản trị Công ty Bình H đã bầu ông Đinh Văn D giữ chức vụ Tổng Giám đốc kiêm Chủ tài khoản của Công ty và thống nhất mời ông Nguyễn Gia T (là người không tham gia góp vốn) giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị. Theo Điều lệ của Công ty và quyết định bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc cũng như các Biên bản đại hội cổ đông đều giao cho ông Đinh Văn D toàn quyền điều hành, quyết định mọi hoạt động khảo sát, xây dựng, kinh doanh sản xuất, toàn quyền quản lý, sử dụng nguồn tiền do các cổ đông góp vốn; là người đại diện pháp luật của Công ty thực hiện các giao dịch tín dụng với Ngân hàng, quản lý, sử dụng vốn vay theo đúng quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Hội đồng quản trị về các quyết định của mình (*Biên bản họp Hội đồng cổ đông ngày 24/4/2015; Điều 29 Điều lệ Công ty*); các cổ đông khác chỉ đăng ký và thực hiện việc góp vốn, không có mặt tại Công ty để tham gia điều hành, quản lý. Đến ngày 10/12/2015, Hội đồng cổ đông tổ chức họp, thống nhất tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng. Ngày 08/01/2016, Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Tĩnh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần Bình H đăng ký thay đổi lần thứ 1 tăng vốn điều lệ từ **200 tỷ đồng** lên **400 tỷ đồng**; Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng; Tổng số cổ phần: 40.000.000; Số cổ phần được quyền chào bán: 0; Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Đinh Văn D. Theo tỷ lệ % chiếm giữ vốn điều lệ, Đinh Văn D đã đăng ký mua thêm 9.000.000 cổ phần, Thái Thành V đăng ký mua thêm 6.000.000 cổ phần, Trần Anh Q đăng ký mua thêm 5.000.000 cổ phần.

Dự án chăn nuôi bò giống, bò thịt của Công ty Bình H được triển khai thực hiện trên địa bàn huyện Cẩm X và huyện Kỳ A với tổng diện tích đất sử dụng là 950,41 ha. Tổng mức đầu tư của dự án trên 4.000 tỷ đồng với quy mô 150.000 con bò/năm, trong đó Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (*viết tắt là Ngân hàng BIDV*) phê duyệt tài trợ tín dụng với tổng số tiền là **3.162 tỷ đồng** do Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) làm đầu mối cho vay dài hạn là **2.190 tỷ đồng** và ngắn hạn là **972 tỷ đồng** (*theo Văn bản số 5035 ngày 14/7/2015 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng BIDV*).

Từ ngày 18/8/2015 đến ngày 06/11/2017, Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) đã giải ngân tổng cộng 2.687.727.175.947 đồng cho Công ty Bình H vay thực hiện Dự án chăn nuôi bò, trong đó, vay dài hạn để đầu tư xây dựng cơ bản là 981.788.094.581 đồng, vay ngắn hạn để mua bò là 1.705.939.081.366 đồng.

Tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản giữa Công ty Bình H và Ngân hàng BIDV phản ánh: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7046468/HĐTD-HT1 ngày 14/7/2015, đại diện Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) xác định rõ toàn bộ số tiền 860 tỷ đồng đã giải ngân là nguồn vốn cho Công ty Bình H vay dài hạn để thực hiện Dự án. Ngoài ra, Đinh Văn D với vai trò là Tổng Giám đốc, đại diện Công ty Bình H ký Giấy đề nghị vay vốn số 01/2015/CNHB gửi Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) ngày 24/4/2015; Hợp đồng thế chấp động sản và Quyền tài sản số 01/2015/7046468/HĐTD/BIDV.HTI-BH ngày 14/7/2015 đã ghi rõ các điều khoản, các quyền và nghĩa vụ của Công ty Bình H khi ký các hợp đồng, trong đó có nội dung Ngân hàng BIDV phê duyệt cấp tín dụng dài hạn và ngắn hạn cho Công ty Bình H, với điều kiện ưu đãi: ***“Vốn tự có đối với khoản vay đầu tư dài hạn là 23,2%/tổng vốn đầu tư dài hạn và tài sản đảm bảo đối với khoản vay dài hạn là toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư của dự án (bao gồm toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có)”***; Vốn tự có đối với khoản vay đầu tư ngắn hạn là 16,2%/tổng vốn đầu tư ngắn hạn và biện pháp bảo đảm là thế chấp nguồn tiền của dự án và đàn bò vỗ béo về cơ bản cũng chính là thế chấp tài sản hình thành từ dự án. Do đó, toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư của dự án (bao gồm toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có) là tài sản thế chấp tại Ngân hàng BIDV, bị cáo Đinh Văn D không có quyền định đoạt tài sản này và muốn được Ngân hàng BIDV giải ngân vốn dài hạn thì vốn đối ứng của các cổ đông phải có tương ứng với 23,2%/tổng vốn đầu tư dài hạn.

Đối với khoản vay dài hạn để đầu tư xây dựng cơ bản, quá trình triển khai thực hiện dự án, Đinh Văn D với vai trò là Tổng Giám đốc kiêm Chủ tài khoản, đại diện pháp luật của Công ty Bình H đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh), cụ thể như sau:

Nhằm chiếm đoạt tiền của Ngân hàng BIDV, Đinh Văn D đã có hành vi gian dối ngay từ đầu trong việc kê khai tài sản để chứng minh năng lực tài chính của cổ đông Công ty: Do Công ty Bình H là công ty mới thành lập từ tháng 4/2015, chưa có hoạt động kinh doanh, chưa có báo cáo tài chính nên theo quy định của Ngân hàng BIDV thì để được phê duyệt tài trợ tín dụng, các cổ đông phải chứng minh vốn tự có tham gia vào dự án. Căn cứ vào cam kết vốn tự có của các cổ đông thì Đinh Văn D phải góp số tiền 447,204 tỷ đồng (tương ứng với 45% tổng vốn góp của các cổ đông là 993,786 tỷ đồng). Ngày 08/5/2015, Đinh Văn D đã cung cấp cho Ngân hàng BIDV danh sách một số tài sản thuộc cá nhân của Đinh Văn D để nhằm chứng minh năng lực tài chính, gồm các tài sản: Đất và nhà ở tại địa chỉ số 42 Lê Hồng P, thành phố P, tỉnh Gia L1 trị giá 10 tỷ đồng; Đất và nhà ở địa chỉ tại H19, phường 2, quận Bình T, thành phố Hồ Chí Minh trị giá 35 tỷ đồng; Đất và nhà ở địa chỉ tại 151 Đỗ Xuân H, quận 9, thành

phố Hồ Chí Minh trị giá 22 tỷ đồng; Đất và nhà ở địa chỉ tại 214 Nguyễn Văn T, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh trị giá 15 tỷ đồng; Đất trang trại 403 ha (vườn tiêu 21 ha, đất cà phê 382 ha) trị giá 373,2 tỷ đồng; Tiền gửi tiết kiệm 10 tỷ đồng. Tổng giá trị tài sản của 06 loại tài sản nêu trên là 465,2 tỷ đồng. Tuy nhiên, trong 06 loại tài sản mà D kê khai trên thì chỉ có duy nhất 01 loại tài sản (Đất và nhà ở địa chỉ tại số 42 Lê Hồng Phong, thành phố Pleiku, tỉnh Gia L1) là có thật và là của Đinh Văn D và vợ là Nguyễn Khuê P ; còn 05 loại tài sản còn lại là không có thật hoặc tuy là có thật, nhưng lại không thuộc sở hữu của Đinh Văn D (chủ sở hữu của những tài sản này cho biết họ không quen biết Đinh Văn D và cũng không cho D mượn tài sản để góp vốn). Như vậy là ngay từ thời điểm đầu tiên thì D đã xác định để xin phê duyệt dự án, Đinh Văn D đã có hành vi gian dối trong việc chứng minh về năng lực tài chính của bản thân để nhằm mục đích là Ngân hàng BIDV sẽ phê duyệt tài trợ tín dụng cho Công ty Bình H.

Ngân hàng BIDV yêu cầu các cổ đông tham gia dự án phải có vốn tự có là 993,786 tỷ đồng, chia theo tỷ lệ cổ phần, trong đó: Đinh Văn D có 447,204 tỷ đồng, Thái Thành V có 298,136 tỷ đồng và Trần Anh Q có 248,446 tỷ đồng. Tại thời điểm thẩm định dự án (tháng 4/2015), Ngân hàng BIDV đã yêu cầu các cổ đông cung cấp các tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với những tài sản đã kê khai nhằm chứng minh năng lực tài chính thì chỉ có Thái Thành V cung cấp được tài sản gồm 33 sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng BIDV với tổng số tiền 110 tỷ đồng, còn Đinh Văn D và Trần Anh Q không cung cấp được các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản. Do đó, trước khi giải ngân vốn vay (tháng 5/2015), Ngân hàng BIDV đã chấp thuận và bắt buộc 03 cổ đông phải góp được số vốn tự có là 110 tỷ đồng, trong đó Đinh Văn D phải góp vốn 49,5 tỷ đồng (tương ứng với 45% tổng vốn góp của các cổ đông). Để có tiền góp vốn, Đinh Văn D đã tính kế xoay vòng vốn góp bằng việc ký các hợp đồng kinh tế với các nhà thầu để từ đó vay mượn hoặc yêu cầu họ trích tiền chuyển lại cho D bằng 20% giá trị hợp đồng đã được giải ngân tạm ứng (50%) để rồi D sử dụng số tiền này góp vốn tự có theo yêu cầu của Ngân hàng BIDV.

Tính từ tháng 4/2015 đến tháng 12/2016, do cần tiền để đáp ứng được các điều kiện cấp tín dụng về vốn tự có; Đinh Văn D đã có hành vi trao đổi, yêu cầu một số nhà thầu trích lại 20% giá trị các hợp đồng thì mới được nhận thầu thi công công trình. Một số nhà thầu đã thống nhất yêu cầu của Đinh Văn D, ký các hợp đồng xây lắp, hợp đồng kinh tế, hồ sơ thanh quyết toán theo đơn giá và khối lượng các hạng mục do Đinh Văn D đưa ra; trên cơ sở đó, Đinh Văn D chỉ đạo Công ty Bình H làm hồ sơ đề nghị Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) giải ngân tạm ứng trước 50% giá trị hợp đồng vào tài khoản của nhà thầu, nhà thầu có trách nhiệm chuyển lại cho Công ty Bình H 20% tổng giá trị hợp đồng theo yêu cầu của Đinh Văn D. Tiếp đó, Đinh Văn D sử dụng nguồn tiền này để góp vốn cổ đông vào Công ty Bình H cho cá nhân Đinh Văn D và 02 cổ đông còn lại là Trần Anh Q và Thái Thành V để tiếp tục gian dối chứng minh vốn tự có của các cổ đông.

Với thủ đoạn gian dối như trên, Ngân hàng BIDV đã tin tưởng phê duyệt tài trợ tín dụng, giải ngân tạm ứng 50% giá trị hợp đồng thi công các công trình

thực hiện dự án cho Công ty Bình H, thông qua thỏa thuận với Nguyễn Xuân L - Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Tân Đại V (*viết tắt là Công ty Tân Đại Việt*); Lâm Tăng K - Giám đốc Công ty cổ phần kỹ thuật Hantechco (*viết tắt là Công ty Hantechco*), Trịnh Hồng T6 - Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng và thương mại D Đ3(*viết tắt là Công ty D Đ5*) và Nguyễn Thế A - Giám đốc Công ty cổ phần Hoàng Anh Việt Nam (*viết tắt là Công ty Hoàng A2 Việt Nam*) với nội dung Đình Văn D đồng ý cho Nguyễn Xuân L, Lâm Tăng K, Trịnh Hồng T6, Nguyễn Thế A3 được nhận các hạng mục, công trình của dự án với điều kiện phải trích lại cho Đình Văn D 20% giá trị các hợp đồng. Quá trình thực hiện dự án, Đình Văn D đã chiếm đoạt của Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) tổng số tiền **155,8 tỷ đồng**. Cụ thể:

1. Đình Văn D và Nguyễn Xuân L lừa đảo chiếm đoạt 84 tỷ đồng của Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh).

Từ tháng 4/2015 đến tháng 10/2016, Đình Văn D với chức vụ là Tổng Giám đốc Công ty Bình H không thông qua Hội đồng quản trị và các cổ đông sáng lập mà tự thỏa thuận với Nguyễn Xuân L với nội dung Đình Văn D đồng ý cho Công ty Tân Đại V được nhận các hạng mục, công trình của dự án có tổng giá trị dự toán khoảng 400 tỷ đồng với điều kiện phải trích và chuyển lại cho Đình Văn D số tiền tương đương 20% giá trị các hợp đồng. Sau đó, Đình Văn D và Nguyễn Xuân L thỏa thuận, thống nhất với nhau: Công ty Tân Đại V trực tiếp ký kết 11 hợp đồng với Công ty Bình H với tổng giá trị 240.146.295.000 đồng. Do dự án xây dựng Công ty Bình H lớn, nhiều hạng mục, Công ty Tân Đại V không đáp ứng được nên Nguyễn Xuân L giới thiệu thêm các nhà thầu khác gồm Công ty cổ phần xây lắp và dịch vụ thương mại Hồng L1 (*viết tắt là Công ty Hồng L2*), Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Ròng V (*viết tắt là Công ty Ròng V*) và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhật N4 (*viết tắt là Công ty Nhật N4*) vào thi công các hạng mục công trình còn lại và được Đình Văn D đồng ý. Các công ty này đã trực tiếp ký 09 hợp đồng có giá trị dự toán khoảng 160 tỷ đồng; theo yêu cầu của Đình Văn D thì Nguyễn Xuân L chịu trách nhiệm đứng ra thu lại số tiền 20% giá trị các hợp đồng từ các Công ty do Nguyễn Xuân L giới thiệu chuyển về cho Đình Văn D. Để thực hiện được hành vi này, sau khi ký kết Hợp đồng, Đình Văn D chỉ đạo nhân viên Công ty Bình H làm thủ tục đề nghị Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) giải ngân tạm ứng 50% giá trị Hợp đồng chuyển về tài khoản của các nhà thầu, ngay sau khi được giải ngân tạm ứng thì Nguyễn Xuân L đã trực tiếp thu số tiền 80 tỷ đồng (tương đương 20% giá trị các Hợp đồng) chuyển lại cho Đình Văn D. Để có tiền trích lại 20% giá trị hợp đồng, sau khi các công ty này được giải ngân tạm ứng 50% giá trị hợp đồng thì Nguyễn Xuân L thu lại 90% số tiền đã được tạm ứng với lý do “*bảo lãnh thực hiện hợp đồng, khi thi công đến đâu sẽ được thanh toán đến đó*”, nhưng số tiền này Nguyễn Xuân L không dùng để “*bảo lãnh thực hiện hợp đồng*” như đã nói với các nhà thầu giới thiệu mà dùng để trả tiền 20% cơ chế cho Đình Văn D (03 nhà thầu giới thiệu được tạm ứng/thanh toán số tiền 77.136.039.000 đồng, Nguyễn Xuân L đã thu lại số tiền 41.933.750.000 đồng). Vì vậy, khi nhà thầu vào thi công vượt quá số tiền được giữ lại thì Nguyễn Xuân L không có nguồn

tiền để thanh toán nên nhiều công trình còn thi công dang dở, trong khi Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) đã giải ngân thực hiện, Nguyễn Xuân L biết rõ là Công ty Hồng L2 và Công ty Chinh H6 mới thực hiện được một phần nhỏ trong hợp đồng đã ký với Công ty Bình H, nhưng theo yêu cầu của Đinh Văn D, Nguyễn Xuân L đã chỉ đạo nhân viên Công ty Tân Đại V lập khống hồ sơ thanh toán. Ngoài 80 tỷ đồng theo cam kết ban đầu, tháng 12/2015, Nguyễn Xuân L còn ký với Đinh Văn D 02 hợp đồng với giá trị là 98.267.483.000 đồng và được giải ngân tạm ứng là 49.133.741.500 đồng, sau khi nhận được tiền tạm ứng thì Nguyễn Xuân L chuyển lại ngay cho Đinh Văn D 34 tỷ đồng để Đinh Văn D nộp tiền góp vốn cho các cổ đông (02 hợp đồng này hiện còn thi công dở dang, trong khi Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) đã giải ngân, thanh toán).

Sau khi nhận được số tiền trên, Đinh Văn D chỉ đạo Thủ quỹ nộp vào tài khoản của Công ty Bình H bằng hình thức nguồn vốn do Đinh Văn D tự huy động, vay mượn để góp tiền mua cổ phần cho cá nhân Đinh Văn D và tạm thời nộp tiền mua cổ phần cho 02 cổ đông còn lại là Thái Thành V, Trần Anh Q theo số lượng đăng ký mua cổ phần của từng thành viên tại cuộc họp Hội đồng cổ đông Công ty vào ngày 10/12/2015 mà không dùng để thi công các hạng mục đã ký kết trong hợp đồng. Số tiền trên không được lập phiếu thu, không ghi chép phản ánh trong Sổ quỹ tiền mặt, Sổ theo dõi kế toán tiền mặt của Công ty Bình H.

Kết quả điều tra tại 03 Công ty được Nguyễn Xuân L giới thiệu ký hợp đồng xác định: Ngay sau khi Công ty Bình H làm thủ tục giải ngân để Ngân hàng cho tạm ứng 50% giá trị hợp đồng thì các Công ty này chỉ được giữ lại khoảng 10% giá trị tạm ứng để thi công và thanh toán thuế giá trị gia tăng; 90% số tiền còn lại Nguyễn Xuân L trực tiếp thu về với lý do là để bảo lãnh “theo yêu cầu của Chủ đầu tư”, khi nào có khối lượng thi công nghiệm thu đến đâu sẽ cho thanh toán đến đó. Tuy nhiên, toàn bộ số tiền thu từ 03 Công ty giới thiệu được Nguyễn Xuân L sử dụng để chuyển trả lại tiền trích 20% giá trị Hợp đồng như đã thỏa thuận từ trước với Đinh Văn D. Khi 03 Công ty này đưa phương tiện, nhân lực vào hiện trường để thực hiện Hợp đồng thì Chủ đầu tư không cung cấp hồ sơ kỹ thuật, bản vẽ,... để thi công mà yêu cầu các Công ty này thực hiện một số hạng mục nhỏ trong Hợp đồng và một số hạng mục khác không có trong dự toán. Còn khối lượng dự toán theo Hợp đồng thì Nguyễn Xuân L và Chủ đầu tư thuê lao động tự do hoặc các đơn vị không có pháp nhân thực hiện, sau đó hợp thức hồ sơ nghiệm thu thanh toán và yêu cầu 03 Công ty này ký xác nhận. Cụ thể:

*** Công ty Hồng L2:** Ký kết 02 Hợp đồng trị giá **24.425.000.000** đồng.

Ngày 23/10/2015, Công ty Hồng L2 được Công ty Bình H lập hồ sơ đề nghị Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) giải ngân tạm ứng số tiền 12.212.500.000 đồng. Ngày 26/10/2015, theo yêu cầu của Nguyễn Xuân L, Công ty Hồng L2 đã chuyển lại cho Nguyễn Xuân L số tiền **10.991.250.000** đồng, tương đương 90% giá trị được tạm ứng để bảo lãnh (trong đó có 2.801.250.000 đồng từ Hợp đồng khai hoang số 01 và 8.190.000.000 đồng từ

Hợp đồng thi công hệ thống tưới nước số 04). Cụ thể từng Hợp đồng như sau:

- Hợp đồng số 01/2015 ngày 20/10/2015 về khai hoang giá trị 6.225.000.000 đồng và được Công ty Bình H lập hồ sơ đề nghị Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) giải ngân tạm ứng 50% giá trị hợp đồng với số tiền là 3.112.500.000 đồng đã chuyển lại cho Nguyễn Xuân L 90% giá trị được tạm ứng số tiền là 2.801.250.000 đồng. Đến tháng 3/2016, theo yêu cầu của Nguyễn Xuân L và Đinh Văn D, Công ty Hồng L2 ký hồ sơ thanh toán với số tiền 3.735.000.000 đồng. Sau khi trừ khoản tiền tạm ứng thì Công ty Bình H đề nghị vay vốn Ngân hàng chuyển tiếp số tiền còn lại là 622.500.000 đồng. Số tiền này Công ty Hồng L2 cũng phải chuyển trả lại cho Nguyễn Xuân L. Giá trị đã thanh quyết toán hợp đồng là 3.735.000.000 đồng và Nguyễn Xuân L đã thu về số tiền **3.423.750.000** đồng.

- Hợp đồng số 04/2015 ngày 20/10/2015 về xây lắp hệ thống tưới nước giá trị 18,2 tỷ đồng. Sau khi được Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) giải ngân tạm ứng 50% giá trị hợp đồng với số tiền 9,1 tỷ đồng, thực hiện theo yêu cầu của Nguyễn Xuân L, Công ty Hồng L2 đã rút tiền mặt chuyển lại cho Nguyễn Xuân L 90% giá trị được tạm ứng tương đương số tiền **8,19** tỷ đồng. Đồng thời, Công ty Hồng L2 ký Hợp đồng số 162 ngày 25/10/2015 trị giá 9,1 tỷ đồng với Công ty Chinh H6 (Giám đốc Công ty này là em ruột của Nguyễn Xuân L) làm nhà thầu phụ. Sau khi ký kết các hợp đồng trên, Công ty Hồng L2 và Công ty Chinh H6 đã tập trung nhân lực, phương tiện vào công trường để thực hiện hợp đồng nhưng Chủ đầu tư không cung cấp hồ sơ kỹ thuật, bản vẽ,... để thi công theo Hợp đồng đã ký kết mà chỉ thực hiện được một số hạng mục theo sự chỉ đạo của Đinh Văn D và thi công nhiều hạng mục khác ngoài Hợp đồng như san lấp mặt bằng, làm đường, đào mương, vận chuyển đất đá... Khi các Công ty này đề nghị Chủ đầu tư cho triển khai thực hiện theo hợp đồng thì được Công ty Bình H cho biết *“Những hạng mục chính của hợp đồng này đòi hỏi phải có thợ kỹ thuật nên Chủ đầu tư đã thuê đơn vị khác thi công nhưng không có pháp nhân thanh toán, nay nhờ Công ty Hồng L2 và Công ty Chinh H6 đứng pháp nhân hồ sơ thanh toán phần giá trị còn lại của Hợp đồng với số tiền là 9,02 tỷ đồng”*. Công ty Bình H giải thích thực hiện như vậy mới có nguồn để thanh toán khối lượng thi công thực tế ngoài dự toán của hợp đồng và xem xét sẽ ưu tiên cho thực hiện Hợp đồng khác ở giai đoạn 2&3 của Dự án nên các Công ty này buộc phải thực hiện theo yêu cầu của Đinh Văn D. Sau khi nhận được khoản tiền 9,02 tỷ đồng, Công ty Hồng L2 thanh toán cho Công ty Chinh H6 số tiền là 08 tỷ đồng và Nguyễn Xuân L đã thu từ Công ty Chinh H6 số tiền là **6,5** tỷ đồng. Giá trị quyết toán của Hợp đồng này là 18.102.000.000 đồng và tổng số tiền Nguyễn Xuân L thu về là **14.690.000.000** đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà Nguyễn Xuân L đã thu liên quan đến 02 Hợp đồng nêu trên là: **18.113.750.000** đồng.

*** Công ty Ròng V:** Ký kết 02 Hợp đồng trị giá 25.825.000.000 đồng.

Ngày 23/10/2015, Công ty Ròng V được Công ty Bình H làm thủ tục đề nghị Ngân hàng giải ngân tạm ứng 02 hợp đồng (*Hợp đồng số 02/2015 ngày*

20/10/2015 và Hợp đồng số 03/2015 ngày 20/10/2015) với số tiền: 12.912.500.000 đồng. Ngày 26/10/2015, theo yêu cầu của Nguyễn Xuân L, Công ty Ròng V đã chuyển lại cho Nguyễn Xuân L số tiền 11.620.000.000 đồng tương đương 90% giá trị được tạm ứng với lý do để bảo lãnh. Cụ thể:

- Hợp đồng số 02/2015 ngày 20/10/2015 về xây lắp hệ thống tưới nước giá trị 19.600.000.000 đồng do Công ty Ròng V liên kết với Công ty Tân Đại V thực hiện. Công ty Ròng V không thi công nên đã chấm dứt, thanh lý Hợp đồng và chuyển trả lại cho Công ty Tân Đại V số tiền tạm ứng 9,8 tỷ đồng để tiếp tục thực hiện (*trừ trong số tiền 11.620.000.000 đồng trước đó đã chuyển cho Nguyễn Xuân L*). Sau đó, theo chỉ đạo của Đinh Văn D, Nguyễn Xuân L đã chuyển hết số tiền này cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhất Phát Gia L1 để thi công.

- Công ty Ròng V chỉ thực hiện Hợp đồng số 03/2015 ngày 20/10/2015 thi công hạng mục khai hoang giá trị 6.225.000.000 đồng. Đối với Hợp đồng này, Nguyễn Xuân L đã thu số tiền **1.820.000.000** đồng sau khi được tạm ứng 3.112.500.000 đồng. Hợp đồng này đã thanh quyết toán giá trị 6.225.000.000 đồng.

*** Công ty Nhật N4:** Ký kết 05 Hợp đồng trị giá 103.607.999.000 đồng.

- Hợp đồng số 14a/2015 ngày 23/12/2015 xây lắp chuồng bò giai đoạn 2&3 giá trị 55.750.036.000 đồng: Ngày 24/12/2015, Công ty Nhật N4 được Công ty Bình H làm thủ tục cho giải ngân tạm ứng 50% giá trị Hợp đồng tại ngân hàng với số tiền 27.875.018.000 đồng. Theo yêu cầu của Nguyễn Xuân L và Đinh Văn D về số tiền bảo lãnh, ngày 25/12/2015, Công ty Nhật N4 buộc phải rút **22 tỷ** đồng và chuyển lại cho Nguyễn Xuân L. Số tiền còn lại Công ty Nhật N4 tổ chức thi công, khi mới thực hiện được một phần khối lượng theo giá trị hợp đồng thì Đinh Văn D chỉ đạo cho nghiệm thu thanh toán với số tiền là: 5.148.333.000 đồng và yêu cầu dừng thi công. (*Hợp đồng này đang thi công dở dang và tổng giá trị đã tạm ứng, thanh toán số tiền là 30.191.767.000 đồng*).

- Hợp đồng số 12e/2015 ngày 22/12/2015 về xây lắp Hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 2&3 giá trị 25.311.702.000 đồng: Công ty Nhật N4 được Chủ đầu tư làm thủ tục cho giải ngân tạm ứng 50% giá trị Hợp đồng tại ngân hàng với số tiền là 12.655.850.000 đồng; Hợp đồng này không thực hiện mà sử dụng tiền tạm ứng chuyển sang thi công Hợp đồng số 05/HĐSN giá trị 19.007.334.000 đồng đã nghiệm thu, quyết toán giá trị khối lượng 17.309.260.000 đồng.

- Hợp đồng số 12d/2015 ngày 13/12/2015 về nâng cấp mở rộng đường vào khu văn phòng tại huyện Cẩm X giá trị 1.573.012.000 đồng. Hợp đồng này đã hoàn thành thi công và nghiệm thu thanh quyết toán theo giá trị Hợp đồng đã ký kết.

- Hợp đồng số 05/HĐSN ngày 30/3/2015 giá trị 19.007.334.000 đồng thi công hạng mục san nền tại huyện Cẩm X. Hợp đồng này đã nghiệm thu quyết toán 17.309.260.000 đồng (*điều chỉnh từ Hợp đồng số 12e/2015 ngày 22/12/2015*).

- Hợp đồng số 26/2016/HĐXL ngày 10/8/2016 giá trị 1.965.915.000 đồng thi công hạng mục san nền, mặt đường tuyến huyện Kỳ Anh nhưng chưa tạm ứng, chưa thi công.

Liên quan đến 04/09 Hợp đồng của các công ty do Nguyễn Xuân L giới thiệu, Nguyễn Xuân L đã thu lại với tổng số tiền là **41.933.750.000 đồng** (*trong đó, Công ty Hồng L2 là 11.613.750.000 đồng; Công ty Chinh H6 là 6,5 tỷ đồng; Công ty Rồng V là 1.820.000.000đ và Công ty Nhật N4 là 22 tỷ đồng*). Toàn bộ số tiền này đều là nguồn tiền Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) giải ngân cho Công ty Bình H vay để phục vụ xây dựng cơ bản của dự án.

Đối với 11 Hợp đồng của Công ty Tân Đại V trực tiếp ký hợp đồng thi công với giá trị **240.146.295.000 đồng**, do cũng phải thực hiện việc chuyển trả lại 20% giá trị Hợp đồng cho Công ty Bình H nên Nguyễn Xuân L tự cân đối trên 11 Hợp đồng do Công ty Tân Đại V thi công và số tiền thu từ các nhà thầu giới thiệu. Nguyễn Xuân L đã chuyển lại cho Đinh Văn D số tiền trích lại 20% giá trị hợp đồng như đã thỏa thuận từ trước là **80 tỷ đồng** (Cụ thể: Thu từ các nhà thầu giới thiệu là 41.933.750.000 đồng và trích từ 11 Hợp đồng của Công ty Tân Đại V là 38.066.250.000 đồng).

Việc Nguyễn Xuân L chuyển số tiền **80 tỷ đồng** nói trên về cho Công ty Bình H theo yêu cầu của Đinh Văn D được thực hiện 02 lần chuyển qua tài khoản ngân hàng và 04 lần giao nhận tiền mặt. Mỗi lần nhận tiền từ Nguyễn Xuân L, Đinh Văn D đều chỉ đạo nộp vào tài khoản của Công ty Bình H bằng hình thức nguồn vốn Đinh Văn D tự huy động vay mượn để góp vốn cho chính bản thân Đinh Văn D và nộp góp vốn cho 02 cổ đông sáng lập là Thái Thành V và Trần Anh Q. Cụ thể như sau:

- Hai lần chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng:

+ Ngày 31/7/2015, ngay sau khi được Công ty Bình H làm thủ tục cho giải ngân tạm ứng từ nguồn vốn tự có cho Công ty Tân Đại V số tiền 14 tỷ đồng để thi công Hợp đồng số 09/2015/HĐ-XL về xây lắp chuồng kho giai đoạn 1 tại huyện Kỳ Anh trị giá 28.602.174.000 đồng, Đinh Văn D đã yêu cầu Nguyễn Xuân L chuyển lại số tiền 12 tỷ đồng vào số tài khoản 36810000015332 mang tên Thái Thành V mở tại Ngân hàng BIDV Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ngày 03/8/2015, ngay sau khi Công ty Bình H làm thủ tục cho giải ngân tạm ứng từ nguồn vốn tự có cho Công ty Tân Đại V số tiền 20 tỷ đồng để thi công Hợp đồng số 03/2015 về xây lắp chuồng kho giai đoạn 1 tại huyện Cẩm X trị giá 44.087.357.000 đồng, Đinh Văn D đã yêu cầu Nguyễn Xuân L chuyển lại số tiền 18 tỷ đồng vào số tài khoản 36810000015332 mang tên Thái Thành V mở tại Ngân hàng BIDV Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi chuyển số tiền 30 tỷ đồng vào tài khoản của Thái Thành V, Đinh Văn D chỉ đạo Thái Thành V chuyển vào tài khoản Công ty Bình H dưới hình thức Thái Thành V góp vốn 18 tỷ đồng và Trần Anh Q góp vốn 12 tỷ đồng.

- Việc giao nhận tiền mặt, Nguyễn Xuân L tự cân đối trong số tiền thu từ

03 công ty mà Nguyễn Xuân L giới thiệu và trích từ tiền tạm ứng thi công trong 11 Hợp đồng do Công ty Tân Đại V thực hiện, đã chuyển lại cho Công ty Bình H theo yêu cầu của Đinh Văn D 04 lần với tổng số tiền **50 tỷ đồng**. Cụ thể như sau:

+ Ngày 26/10/2015, Nguyễn Xuân L yêu cầu nhân viên chuyển giao số tiền 20 tỷ đồng cho Công ty Bình H. Đinh Văn D tự phân chia và chỉ đạo Phạm Thị Kim T (nhân viên thủ quỹ Công ty Bình H) nộp vào tài khoản ngân hàng dưới hình thức Đinh Văn D góp vốn 09 tỷ đồng, Thái Thành V góp vốn 06 tỷ đồng và Trần Anh Q góp vốn 05 tỷ đồng.

Tương tự như trên:

+ Ngày 06/11/2015, Phạm Thị Kim T nhận số tiền 12 tỷ đồng và nộp vào tài khoản Công ty Bình H dưới hình thức Đinh Văn D góp vốn 5,5 tỷ đồng, Thái Thành V góp vốn 3,5 tỷ đồng và Trần Anh Q góp vốn 03 tỷ đồng.

+ Ngày 28/12/2015, Phạm Thị Kim T nhận số tiền 10 tỷ đồng và nộp vào tài khoản Công ty Bình H dưới hình thức Đinh Văn D góp vốn 10 tỷ đồng.

+ Ngày 21/3/2016, Phạm Thị Kim T nhận số tiền 08 tỷ đồng và nộp vào tài khoản Công ty dưới hình thức Đinh Văn D góp vốn 08 tỷ đồng.

- Ngoài ra, liên quan đến 02 Hợp đồng do Công ty Tân Đại V thi công dở dang, ngay sau thời điểm được Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) giải ngân tạm ứng thì Đinh Văn D yêu cầu Nguyễn Xuân L chuyển lại cho Công ty Bình H số tiền là 34 tỷ đồng. Cụ thể:

+ Hợp đồng 12B/2015/HĐXL ngày 14/12/2015 về thi công 20 chuồng bò trị giá 73.413.625.000 đồng. Ngày 22/12/2015, Công ty Bình H làm thủ tục đề nghị Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) giải ngân tạm ứng cho Công ty Tân Đại V 50% giá trị Hợp đồng với số tiền là 36.706.812.500 đồng. Cùng ngày, Đinh Văn D đã yêu cầu Nguyễn Xuân L chuyển lại cho Công ty Bình H **30 tỷ đồng**.

+ Hợp đồng số 16/2015 ngày 23/12/2015 về thi công hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 2&3 trị giá 24.853.858.000 đồng. Ngày 26/01/2016, ngay sau khi Ngân hàng BIDV giải ngân tạm ứng số tiền 12.426.929.000 đồng, Đinh Văn D yêu cầu Nguyễn Xuân L chuyển lại cho Công ty Bình H số tiền **04 tỷ đồng** (Ngày 27/01/2016 giao số tiền 02 tỷ đồng và ngày 01/2/2016 giao số tiền 02 tỷ đồng).

Đối với khoản tiền 34 tỷ đồng này, Phạm Thị Kim T khai nhận theo sự chỉ đạo của Đinh Văn D đã thực hiện việc nhận tiền từ Công ty Tân Đại Việt, sau đó, Phạm Thị Kim T nộp vào tài khoản Công ty Bình H bằng hình thức góp vốn cho cổ đông Đinh Văn D 13,5 tỷ đồng, Thái Thành V 11 tỷ đồng và Trần Anh Q 9,5 tỷ đồng.

Như vậy, tổng số tiền **114 tỷ đồng** (trong đó có 80 tỷ đồng là tiền trích từ 20% giá trị hợp đồng và 34 tỷ đồng là tiền của 02 Hợp đồng đang thi công dở dang) thu từ các nhà thầu là Công ty Tân Đại V, Công ty Hồng L2, Công ty Chinh H6 và Công ty Nhật N4, Đinh Văn D đã chỉ đạo nộp vào tài khoản

Công ty Bình H bằng hình thức chuyển chủ sở hữu với hình thức mua cổ phiếu do Công ty Bình H phát hành để tăng vốn điều lệ cho các cổ đông là Đinh Văn D **46** tỷ đồng, Thái Thành V **38,5** tỷ đồng và Trần Anh Q **29,5** tỷ đồng.

Số tiền 114 tỷ đồng được thu từ 04 hợp đồng của 03 nhà thầu giới thiệu và 11 Hợp đồng của Công ty Tân Đại V. Đến nay, xác định có 58 tỷ đồng thu từ 12 hợp đồng đã được lập hồ sơ nghiệm thu thanh, quyết toán; 56 tỷ đồng thu từ 03 hợp đồng đang thi công dở dang (*Hợp đồng 12B/2015/HĐXL ký kết ngày 14/12/2015, Hợp đồng số 16/2015 ngày 23/12/2015 giữa Công ty Bình H với Công ty Tân Đại Việt, Hợp đồng số 14a/2015 ngày 23/12/2015 giữa Công ty Bình H với Công ty Nhật N4*)

Kết quả điều tra, Phạm Thị Kim T và Đỗ Hữu Tuyên - Nhân viên kế toán Công ty Bình H đều khai nhận: Những lần nhận tiền mặt từ Công ty Tân Đại V được Đinh Văn D chỉ đạo, giao nhiệm vụ trực tiếp kiểm đếm và nhận tiền, sau đó Phạm Thị Kim T đưa số tiền nhận được nộp vào tài khoản Công ty Bình H bằng hình thức các cổ đông góp vốn theo sự phân chia của Đinh Văn D; Phạm Thị Kim T và Đỗ Hữu Tuyên chỉ thực hiện theo chỉ đạo của Đinh Văn D mà không được biết nguồn gốc cũng như lý do mục đích nhận tiền.

Ngày 08/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh đã ra Quyết định số 32 trưng cầu Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh giám định làm rõ hành vi sử dụng số tiền 110 tỷ đồng thu từ Công ty Tân Đại Việt. Căn cứ Kết luận giám định số 01 ngày 09/4/2018 của Tổ giám định Sở tài chính tỉnh Hà Tĩnh kết luận: *“Số tiền 80 tỷ đồng là một phần tương đương 20% số tiền ngân hàng cho Công ty CP chăn nuôi Bình H vay để chuyển trả cho các đơn vị nhận thầu triển khai các hạng mục của Dự án là tiền của ngân hàng, nhưng sau khi luân chuyển đã trở thành tiền góp vốn cho các cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP chăn nuôi Bình H (tức là tiền của các cổ đông). Số tiền này có được là do vi phạm quy định ở Điều 519 Luật dân sự số 91/2015/QH13. Các thành viên HĐQT là các cổ đông sáng lập Công ty CP chăn nuôi Bình H nên số tiền góp vốn của họ trong 3 năm đầu được quyền chuyển nhượng để thu hồi theo quy định tại Điều 119 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13.*

- *Số tiền 30 tỷ đồng thu từ Công ty Tân Đại V liên quan đến Hợp đồng 12b/2015/HĐXL ngày 14/12/2015 đã bị Đinh Văn D chiếm dụng để trở thành tiền cá nhân góp vốn điều lệ của doanh nghiệp. Số tiền này có được là do vi phạm quy định ở Điều 519 Luật dân sự số 91/2015/QH13. Các thành viên HĐQT là các cổ đông sáng lập Công ty CP chăn nuôi Bình H nên số tiền góp vốn của ông D trong 3 năm đầu được quyền chuyển nhượng để thu hồi theo quy định tại Điều 119 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13.”*

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7046468/HĐTD-HT1 ngày 14/7/2015, đại diện Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) xác định rõ toàn bộ số tiền **860** tỷ đồng đã giải ngân là nguồn vốn cho Công ty Bình H vay dài hạn để thực hiện Dự án. Về số tiền 201,8 tỷ đồng mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh đã chứng minh Đinh Văn D yêu cầu Nguyễn Xuân L,

Lâm Tăng K, Trịnh Hồng T6, Nguyễn Thế A trích từ nguồn tiền được Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) giải ngân tạm ứng cho Công ty Bình H vay để thực hiện dự án thông qua các hợp đồng nhằm chiếm đoạt **158,8** tỷ đồng là tiền vay ngân hàng và 46 tỷ đồng là vốn tự có của Công ty Bình H. Ngày 06/11/2018, Trần Anh Q - Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Công ty Bình H và Hoàng Hải T - Kế toán trưởng của Công ty Bình H đã xác nhận: *“Tính đến ngày 05/11/2018 tổng dư nợ của Công ty Bình H tại BIDV Hà Tĩnh là 1.459.201.590.537 đồng, đồng thời xác nhận với tình hình tài chính hiện tại, Công ty Bình H không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn cho BIDV Hà Tĩnh”*. Còn Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) xác nhận: *“Tính đến ngày 09/11/2018, trong 94 khoản vay của Công ty Bình H có 29 khoản vay đã quá hạn với tổng dư nợ 482.813.496.754 đồng, Ngân hàng đã phân loại nợ nhóm 2”*.

Như vậy, Đinh Văn D đã thông đồng với Nguyễn Xuân L thu lại tổng số tiền **114** tỷ đồng, trong đó có 80 tỷ đồng là tiền trích từ 20% giá trị hợp đồng ngay sau khi giải ngân và 34 tỷ đồng là tiền tạm ứng cho 02 Hợp đồng thi công dở dang, chuyển đổi từ tiền công ty vay ngân hàng để phục vụ xây dựng cơ bản của dự án thành tiền cá nhân do Đinh Văn D tự huy động góp vốn điều lệ, nộp tiền mua cổ phần (*khi ra Nghị quyết tăng vốn điều lệ*). Do đó, khi Đinh Văn D thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc không có nguồn để cân đối công nợ và thanh toán khối lượng thực tế các nhà thầu đã thi công, dẫn đến việc thiếu hồ sơ để cung cấp cho Ngân hàng nên đến thời điểm đó mặc dù 11 hợp đồng do Công ty Tân Đại V thi công và 09 hợp đồng do Nguyễn Xuân L giới thiệu có tổng giá trị trên 400 tỷ đồng; thực tế mới được giải ngân, thanh toán với tổng số tiền hơn **265** tỷ đồng (trong đó: tiền vay ngân hàng là 209 tỷ đồng và vốn tự có là 56 tỷ đồng). Đến tháng 11/2017, Đinh Văn D được bổ nhiệm lại chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Bình H để giải quyết những tồn đọng nêu trên. Để xử lý việc này, Đinh Văn D đã gặp Nguyễn Văn Huân và Phan Hữu Đồng - Công ty cổ phần tư vấn xây dựng ĐHT nhờ lập lại một số hợp đồng điều chỉnh, hồ sơ dự toán điều chỉnh và kèm theo hồ sơ thanh quyết toán liên quan đến các Hợp đồng thi công của Công ty Hồng L2 và Công ty Rông V. Quá trình điều tra, Phan Hữu Đồng cung cấp tài liệu và khai nhận: Việc lập hồ sơ chỉ dựa theo số liệu khối lượng thực tế có tại hiện trường chứ không biết nhà thầu nào thực hiện và giá trị đã thanh toán cho các công ty đứng tên pháp nhân trước đây, sau đó điều chỉnh đơn giá hợp thức hồ sơ theo yêu cầu của Đinh Văn D, đồng thời điều chỉnh thời gian phù hợp với hồ sơ đã thanh toán trước đây. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ, Phan Hữu Đồng đã giao lại cho Đinh Văn D để hoàn thiện chữ ký những người liên quan và nộp lại cho Công ty Bình H. Tuy nhiên, việc hợp thức hồ sơ theo hình thức này không đủ cơ sở pháp lý nên Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) không giải ngân số tiền còn lại.

Kết quả xác minh tại Công ty Hồng L2 và Công ty Rông V cũng như các cán bộ nhân viên của Công ty Bình H là những người ký tên trong hồ sơ nghiệm thu thanh toán đều khai nhận: Vào tháng 11/2017, Đinh Văn D chỉ đạo ký vào những hồ sơ được ông Đinh Văn D lập sẵn với lý do để hoàn thiện khép hồ sơ

Dự án. Còn Nguyễn Xuân L khai nhận: Sau khi ký Hợp đồng và được tạm ứng tiền để thi công thì Đinh Văn D yêu cầu phải chuyển lại số tiền trích lại 20% giá trị hợp đồng như đã thỏa thuận từ trước, sau đó việc lập hồ sơ thanh quyết toán thì dựa theo hồ sơ dự toán và giá trị hợp đồng để thực hiện.

Tổng số tiền Nguyễn Xuân L đã chuyển lại cho Đinh Văn D là 114 tỷ đồng (bao gồm: 41,9 tỷ đồng thu từ 03 nhà thầu giới thiệu và 72,1 tỷ đồng chuyển lại từ các hợp đồng mà Công ty Tân Đại V ký với Công ty Bình H), Đinh Văn D chỉ đạo nộp vào tài khoản Công ty Bình H với nội dung góp vốn cho các cổ đông, gồm: Đinh Văn D là 46 tỷ đồng; Thái Thành V là 38,5 tỷ đồng và Trần Anh Q là 29,5 tỷ đồng.

Về số tiền **114 tỷ đồng** mà Đinh Văn D yêu cầu Nguyễn Xuân L trích từ các hợp đồng để chiếm đoạt gồm **84 tỷ đồng** là tiền vay Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) giải ngân từ tài khoản 52082000488863 - tài khoản tiền vay của Công ty Bình H) và **30 tỷ đồng** là vốn tự có của Công ty Bình H mở tại Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) giải ngân từ tài khoản 52010000339999 - tài khoản tiền gửi của Công ty Bình H. Do đó, số tiền Đinh Văn D thông đồng với Nguyễn Xuân L để chiếm đoạt của Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) là **84 tỷ đồng**.

2. Đinh Văn D thông qua Lâm Tăng K - Giám đốc Công ty Hantechco, Trịnh Hồng T6 - Giám đốc Công ty D Đ3 và Nguyễn Thế A1 - Giám đốc Công ty Hoàng A2 Việt Nam lừa đảo chiếm đoạt 71,8 tỷ đồng của Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh).

Từ tháng 5/2015 đến tháng 12/2015, 03 nhà thầu tại Hà Nội gồm Lâm Tăng K làm Giám đốc Công ty Hantechco, Trịnh Hồng T6 làm Giám đốc Công ty D Đ3 và Nguyễn Thế A1 làm Giám đốc Công ty Hoàng A2 Việt Nam gặp Đinh Văn D xin nhận thầu thi công các công trình tại Dự án chăn nuôi bò giống, bò thịt của Công ty Bình H, Đinh Văn D đã yêu cầu 03 nhà thầu nói trên muốn được nhận thầu thi công các công trình tại dự án thì phải trích lại cho Công ty Bình H khoảng 20% giá trị hợp đồng đã ký kết. Sau khi căn cứ vào đơn giá hợp đồng mà Đinh Văn D đưa ra, các nhà thầu thấy có thể đưa lại lợi nhuận nên đã đồng ý theo yêu cầu trích 20% giá trị hợp đồng của Đinh Văn D. Sau khi 03 công ty nói trên ký hợp đồng, Đinh Văn D đã chỉ đạo lập hồ sơ đề nghị Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) giải ngân tạm ứng 50% giá trị hợp đồng vào tài khoản của các nhà thầu và ba nhà thầu này có trách nhiệm chuyển lại cho Công ty Bình H 20% tổng giá trị hợp đồng như đã thỏa thuận. Tổng cộng Công ty Hantechco, Công ty D Đ3 và Công ty Hoàng A2 Việt Nam đã ký với Đinh Văn D 37 hợp đồng với tổng giá trị là 305.718.240.223 đồng, Công ty Bình H đã tạm ứng/thanh toán thông qua Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) là 208.821.835.000 đồng. Lâm Tăng K, Trịnh Hồng T6, Nguyễn Thế A1 đã chuyển lại tiền theo yêu cầu của Đinh Văn D là **87,8 tỷ đồng**, trong đó, có 16 tỷ đồng là số tiền được Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) giải ngân từ tài khoản 52010000339999 - tài khoản tiền gửi của Công ty Bình H và có **71,8 tỷ đồng** được Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) giải ngân từ tài khoản

52082000488863- tài khoản tiền vay của Công ty Bình Hà . Sau khi 03 Công ty trên chuyển lại số tiền 87,8 tỷ đồng cho Đinh Văn D thì D đã chi đạo sử dụng 76,8 tỷ đồng nộp tiền góp vốn cho 3 cổ đông, tiếp tục gian dối chứng minh vốn đối ứng để Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) tiếp tục giải ngân theo tỷ lệ vốn góp và chuyển cho Thái Thành Vinh sử dụng cá nhân 11 tỷ đồng. Do đó, trong số tiền do 03 Công ty trên chuyển lại cho Đinh Văn D thì Đinh Văn D đã chiếm đoạt **71,8 tỷ đồng** của Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh). Cụ thể:

* **Công ty Hantechco:** Khoảng tháng 5/2015, Lâm Tăng K là Giám đốc Công ty Hantechco được anh ruột là Lâm Tăng T1 (sinh sống tại tỉnh Gia L1) giới thiệu gặp Đinh Văn D để đặt vấn đề xin tham gia Dự án với tư cách nhà thầu xây dựng. Đến tháng 7/2015, Đinh Văn D đồng ý cho Công ty Hantechco tham gia thi công Dự án của Công ty Bình H. Đinh Văn D chủ động đưa ra khối lượng và đơn giá thi công các hạng mục của Dự án chăn nuôi bò tại tỉnh Hà Tĩnh và yêu cầu Công ty Hantechco thực hiện theo đúng đơn giá này, đồng thời hứa sẽ giải ngân tạm ứng cho Công ty Hantechco 50% giá trị hợp đồng, với điều kiện sau khi nhận được tiền giải ngân tạm ứng phải chuyển lại ngay khoảng 20% giá trị hợp đồng cho Đinh Văn D. Sau khi tính toán đơn giá dự toán mà Đinh Văn D đưa ra, Lâm Tăng K thấy nếu chuyển lại cho Công ty Bình H 20% giá trị hợp đồng thì Công ty Hantechco vẫn có thể có lợi nhuận khoảng 10% tổng giá trị hợp đồng nên Lâm Tăng K đồng ý với yêu cầu, điều kiện trên của Đinh Văn D. Từ ngày 28/07/2015 đến ngày 22/11/2016, ông Lâm Tăng K - Giám đốc Công ty Hantechco đã ký tổng cộng 23 Hợp đồng xây lắp và Hợp đồng kinh tế với Đinh Văn D - Tổng Giám đốc, đại diện Công ty Bình H, với tổng giá trị 221.185.555.000 đồng, tổng số tiền Công ty Bình H đã tạm ứng/thanh toán thông qua Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) là 134.810.718.500 đồng. Theo yêu cầu của Đinh Văn D, Lâm Tăng K đã chuyển lại cho Đinh Văn D 57,5 tỷ đồng vào tài khoản cá nhân của Đinh Văn D là 28,5 tỷ đồng và Thái Thành V là 29 tỷ đồng, trong đó, có 16 tỷ đồng là số tiền được Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) giải ngân từ tài khoản 52010000339999 - tài khoản tiền gửi của Công ty Bình H và có 41,5 tỷ đồng được Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) giải ngân từ tài khoản 52082000488863 - tài khoản tiền vay của Công ty Bình H.

Quá trình triển khai thực hiện hợp đồng, Lâm Tăng K đã vay mượn tiền từ Ngân hàng và huy động từ các nguồn khác để thực hiện dự án, tổng khối lượng Công ty Hantechco đã thực hiện theo đơn giá Công ty Bình H đưa ra là 146.013.505.000 đồng, do Công ty Bình H mới tạm ứng/thanh toán số tiền là 134.810.718.500 đồng nên giá trị còn lại Công ty Bình H còn nợ Công ty Hantechco là 11.202.786.500 đồng. Việc nhận tiền tạm ứng/thanh toán hợp đồng thì Công ty Hantechco nhận tiền chuyển đến từ tài khoản của Công ty Bình H, Lâm Tăng K không biết được đây là khoản tiền Công ty Bình H vay từ Ngân hàng BIDV để thực hiện dự án, không biết về bản chất hợp đồng tín dụng giữa Công ty Bình H và Ngân hàng BIDV, không biết được Đinh Văn D sử dụng số tiền do Lâm Tăng K chuyển lại để gian dối chứng minh vốn đối ứng với Ngân

hàng BIDV.

* **Công ty D Đ5:** Năm 2015, Trịnh Hồng T6 làm Giám đốc Công ty D Đ3 được Trần Duy T1 (sinh ngày 25/02/1985, trú tại số nhà 60A Bà Huyện Thanh Quan, phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, con ông Trần Bắc H3 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng BIDV) giới thiệu gặp Đinh Văn D - Tổng Giám đốc Công ty Bình H để đặt vấn đề tham gia làm nhà thầu thực hiện dự án chăn nuôi bò tại tỉnh Hà Tĩnh do Công ty Bình H làm chủ đầu tư. Để Công ty D Đ3 được ký hợp đồng làm nhà thầu cho Công ty Bình H thực hiện dự án, Đinh Văn D đã chủ động đưa ra khối lượng và đơn giá thi công các hạng mục của Dự án chăn nuôi bò tại tỉnh Hà Tĩnh và yêu cầu Công ty D Đ3 thực hiện theo đơn giá do Đinh Văn D đưa ra và hứa sẽ giải ngân tạm ứng 50% giá trị hợp đồng, với điều kiện ngay sau khi nhận được tiền giải ngân phải chuyển lại khoảng 20% giá trị hợp đồng cho Đinh Văn D. Sau khi tính toán đơn giá mà Đinh Văn D đưa ra, Trịnh Hồng T6 thấy nếu chuyển lại cho Đinh Văn D 20% giá trị hợp đồng thì Trịnh Hồng T6 vẫn có thể có lợi nhuận khoảng 5%, nên Trịnh Hồng T6 đồng ý với yêu cầu của Đinh Văn D. Từ ngày 01/10/2015 đến ngày 01/12/2016, Trịnh Hồng T6 đã ký tổng cộng 10 hợp đồng xây lắp, hợp đồng kinh tế và 02 gói sửa chữa với Đinh Văn D - Đại diện Công ty Bình H với tổng giá trị khối lượng công trình Công ty D Đ3 đã thực hiện và xuất hóa đơn là 62.236.648.223 đồng, số tiền Công ty Bình H đã cho tạm ứng, thanh toán là 61.704.431.500 đồng; số tiền Công ty Bình H còn nợ, chưa thanh toán cho Công ty D Đ3 là 532.216.723 đồng. Theo thỏa thuận từ trước, Trịnh Hồng T6 đã chuyển lại cho Đinh Văn D 23 tỷ đồng vào tài khoản cá nhân của Thái Thành V là 02 tỷ đồng và tài khoản Công ty Bình H là 21 tỷ đồng để góp vốn cho 03 cổ đông Công ty theo yêu cầu của Đinh Văn D, gồm: Đinh Văn D 2,7 tỷ đồng, Thái Thành V 12,8 tỷ đồng và Trần Anh Q 5,5 tỷ đồng. Việc chuyển vào tài khoản của ai, nội dung chuyển khoản như thế nào thì Trịnh Hồng T6 thực hiện theo yêu cầu của Đinh Văn D, còn mục đích Đinh Văn D sử dụng số tiền này như thế nào thì Trịnh Hồng T6 không biết và cũng không biết Công ty Bình H vay Ngân hàng bao nhiêu tiền, nội dung vay vốn như thế nào. Tháng 10/2017 đến nay, do Công ty D Đ3 không có việc làm nên đã dừng hoạt động.

* **Công ty Hoàng A2 Việt Nam:** Tháng 12/2015, Nguyễn Thế A1 làm Giám đốc Công ty Hoàng A2 Việt Nam được Trần Duy T1 (con ông Trần Bắc H3) giới thiệu gặp Đinh Văn D - Tổng Giám đốc Công ty Bình H để ký hợp đồng thi công một số hạng mục công trình tại dự án chăn nuôi bò tại tỉnh Hà Tĩnh do Công ty Bình H làm chủ đầu tư. Đinh Văn D đồng ý cho Công ty Hoàng A2 Việt Nam ký 02 Hợp đồng làm 06 chuồng bò tại huyện Cẩm X và Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, với điều kiện: Đơn giá và Hợp đồng do Công ty Bình H chuẩn bị sẵn, sau khi ký hợp đồng, Công ty Bình H sẽ giải ngân tạm ứng 50% giá trị hợp đồng và Nguyễn Thế A1 phải chuyển lại cho Công ty Bình H khoảng 20% giá trị hợp đồng theo từng lần tạm ứng và việc chuyển lại tiền không được chuyển trực tiếp từ tài khoản của Công ty Hoàng A2 Việt Nam mà phải rút tiền mặt rồi chuyển vào tài khoản theo yêu cầu của Đinh Văn D. Sau khi xem đơn giá do Đinh Văn D đưa ra nếu trừ đi 20% giá trị hợp đồng chuyển lại cho Công

ty Bình H theo yêu cầu của Đinh Văn D thì vẫn có thể đạt lợi nhuận trên 10% nên Nguyễn Thế A1 đồng ý ký hợp đồng. Ngày 23 và 25/12/2015, Nguyễn Thế A1 đại diện Công ty Hoàng A2 Việt Nam đã ký 02 Hợp đồng xây lắp với Đinh Văn D - Đại diện Công ty Bình H, với tổng giá trị 02 hợp đồng là 22.296.037.000 đồng, tổng số tiền Công ty Bình H đã tạm ứng/thanh toán thông qua Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) là 12.306.685.000 đồng. Theo yêu cầu của Đinh Văn D, Nguyễn Thế A1 đã nộp vào tài khoản Công ty Bình H 7,3 tỷ đồng để góp vốn cho cổ đông Đinh Văn D 1,3 tỷ đồng, Thái Thành V 01 tỷ đồng và Trần Anh Q 05 tỷ đồng. Cụ thể:

- Đối với Hợp đồng xây lắp số 14B/2015/HĐ-XL về thực hiện gói thầu 05 chuồng bò tại huyện Kỳ Anh (Giai đoạn 2&3 của Dự án), tổng giá trị hợp đồng là 18.583.345.000 đồng, Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) đã giải ngân tạm ứng 50% giá trị hợp đồng, tương đương 9.291.672.000 đồng; theo yêu cầu của Đinh Văn D, Nguyễn Thế A1 đã chuyển lại **06 tỷ đồng** vào tài khoản của Công ty Bình H để góp vốn cho 3 cổ đông Trần Anh Q, Thái Thành V và Đinh Văn D; số tiền còn lại 3.291.672.000 đồng, Nguyễn Thế A1 sử dụng mua vật tư để xây dựng 05 chuồng bò. Tuy nhiên, do Công ty Bình H không bàn giao được mặt bằng để Công ty Hoàng A2 Việt Nam thi công, nên đến nay hợp đồng trên vẫn chưa thực hiện được. Số vật tư Công ty Hoàng A2 Việt Nam đã mua một phần được sử dụng để làm 01 chuồng bò tại huyện Cẩm X thuộc giai đoạn 1 của Dự án, phần còn lại phải bán sắt vụn.

- Đối với Hợp đồng xây lắp số 18/2015/HĐ-XL về thực hiện gói thầu 01 chuồng bò tại huyện Cẩm X (giai đoạn 1 của Dự án), tổng giá trị hợp đồng là 3.712.692.000 đồng, Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) đã giải ngân tạm ứng 50% giá trị hợp đồng, tương đương 1.735.013.000 đồng và thanh toán số tiền còn lại theo giá trị quyết toán là 1.280.000.000 đồng; tổng số tiền Công ty Bình H đã tạm ứng và thanh toán cho Công ty Hoàng A2 Việt Nam là 3.015.000.000 đồng; Công ty Hoàng A2 Việt Nam đã sử dụng 1,7 tỷ đồng để thanh toán cho Công ty cổ phần Nguyễn Hưng theo hợp đồng số 59 năm 2016 về việc xây dựng khu văn phòng và chuồng trại dự án chăn nuôi bò giống và bò thịt tại Hà Tĩnh (giai đoạn 2&3) và theo yêu cầu của Đinh Văn D, Nguyễn Thế A1 đã chuyển lại **1,3 tỷ đồng** vào tài khoản của Công ty Bình H để góp vốn cho Đinh Văn D. Công ty Hoàng A2 Việt Nam đã hoàn thành và bàn giao 1 chuồng bò cho Công ty Bình H. Sau đó, do không có việc làm nên Nguyễn Thế A1 đã giải thể Công ty Hoàng A2 Việt Nam nên không còn lưu giữ hồ sơ, chứng từ liên quan; Trần Thị Anh làm kế toán Công ty Hoàng A2 Việt Nam thực hiện việc rút tiền mặt và nộp tiền vào tài khoản Công ty Bình H theo chỉ đạo của Nguyễn Thế A.

Với các hành vi gian dối nêu trên, Đinh Văn D đã nhận lại tổng số tiền **201,8 tỷ đồng** của Công ty Tân Đại Việt, Công ty Hantechco, Công ty D Đ3 và Công ty Hoàng A2 Việt Nam, trong đó, có 46 tỷ đồng là số tiền được Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) giải ngân từ tài khoản 52010000339999 - tài khoản tiền gửi của Công ty Bình H và có 155,8 tỷ đồng được Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) giải ngân từ tài khoản 52082000488863- tài khoản tiền vay của

Công ty Bình H.

Do đó, Đinh Văn D đã chiếm đoạt của Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) tổng số tiền **155,8 tỷ đồng**, trong đó, số tiền này Đinh Văn D đã sử dụng để góp vốn chứng minh vốn tự có của Đinh Văn D là 72,5 tỷ đồng và góp vốn cho 02 cổ đông còn lại là Trần Anh Q 32,32 tỷ đồng và Thái Thành V 50,98 tỷ đồng (trong số tiền 50,98 tỷ đồng chuyển cho Thái Thành V thì Thái Thành V đã góp vốn 49,98 tỷ đồng và sử dụng cá nhân 01 tỷ đồng để thanh toán tiền vay thấu chi tại Ngân hàng BIDV).

Kết quả điều tra đối với các Công ty, hộ kinh doanh còn lại thụ hưởng khoản vay dài hạn của Công ty Bình H:

- Đối với các công ty có chuyển lại tiền cho Công ty Bình H qua các giao dịch tại Ngân hàng nhưng không có căn cứ kết luận việc thỏa thuận trích lại phần trăm từ việc ký kết hợp đồng với Công ty Bình H:

Kết quả soát xét các giao dịch qua tài khoản Công ty Bình H, tài khoản cá nhân các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, nhân viên Công ty Bình H, tài khoản của các công ty và Giám đốc các công ty thụ hưởng khoản vay dài hạn của Công ty Bình H xác định: Ngoài 07 công ty chuyển lại tiền (03 công ty chuyển lại tiền tại Hà Nội, 04 công ty có liên quan đến công ty Tân Đại Việt), còn có 12 công ty, hộ kinh doanh có các giao dịch tại ngân hàng chuyển lại tiền cho công ty Bình H và các cổ đông Công ty Bình H. Tuy nhiên kết quả điều tra xác định các công ty, hộ kinh doanh ký kết hợp đồng với công ty Bình H là hợp đồng có thật, làm thật, không có việc lập khống hợp đồng, hồ sơ thanh toán, không thỏa thuận trích lại phần trăm hợp đồng với Đinh Văn D và các cổ đông Công ty Bình H, các giao dịch chuyển tiền này là việc vay mượn, hỗ trợ cá nhân, không liên quan đến tiền thực hiện hợp đồng với Công ty Bình H

- Đối với các Công ty không chuyển lại tiền cho Công ty Bình H:

Trong số 59 công ty, hộ kinh doanh thụ hưởng khoản vay dài hạn Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Hà Tĩnh) giải ngân cho Công ty Bình H, ngoài 19 công ty nói trên và 02 công ty có trụ sở ở nước ngoài (chưa đủ căn cứ, điều kiện để điều tra, làm rõ). Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Tĩnh đã thu thập hồ sơ, làm việc đối với 38 công ty/ hộ kinh doanh còn lại có trụ sở tại thành phố Hà Nội, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Gia L1, thành phố Hồ Chí Minh, An Giang. Kết quả điều tra xác định các công ty/hộ kinh doanh này không chuyển lại tiền cho Công ty Bình H; các công ty/hộ kinh doanh này thực hiện hợp đồng ký kết với công ty Bình H là hợp đồng có thật, làm thật, không có việc lập khống hợp đồng, hồ sơ thanh toán, không thỏa thuận trích lại phần trăm hợp đồng với Đinh Văn D và các cổ đông Công ty Bình H.

*** Về vật chứng đã thu giữ và xử lý:**

- Thu giữ 10 tỷ đồng do Công ty cổ phần chăn nuôi Gia L1 trả nợ tiền từ Hợp đồng mua bán bò cho Công ty Bình H (nguồn vay ngắn hạn) và 05 tỷ đồng do Đinh Văn D tự nguyện nộp khắc phục một phần hậu quả;

- Toàn bộ hồ sơ giải ngân liên quan đến khoản vay dài hạn kèm theo các biên bản kiểm tra mục đích sử dụng vốn vay; các tài liệu, văn bản thu hồi nợ;
- Hồ sơ pháp nhân, hồ sơ tài chính của Công ty Bình H;
- Hồ sơ thanh toán, quyết toán liên quan đến các Hợp đồng của Công ty Tân Đại V và Công ty Công ty Hồng L2, Công ty Rồng V, Công ty Nhật N4;
- Biên bản thỏa thuận; Bảng xác nhận khối lượng thực tế thi công;
- Giấy rút tiền mặt ngày 26/10/2015 tại Ngân hàng Sacombank Chi nhánh Hưng Bình, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;
- Giấy chuyển khoản ngày 31/7/2015, Công ty Tân Đại V chuyển vào tài khoản cá nhân Thái Thành V số tiền 12 tỷ đồng;
- Giấy chuyển khoản ngày 03/8/2015 Công ty Tân Đại V chuyển vào tài khoản cá nhân Thái Thành V số tiền 18 tỷ đồng;
- Giấy giao nhận tiền mặt ngày 26/10/2015 số tiền 20 tỷ đồng;
- Giấy giao nhận tiền mặt ngày 06/11/2015 số tiền 12 tỷ đồng;
- Giấy giao nhận tiền mặt ngày 22/12/2015 số tiền 30 tỷ đồng;
- Giấy giao nhận tiền mặt ngày 28/12/2015 số tiền 10 tỷ đồng;
- Giấy giao nhận tiền mặt ngày 27/01/2016 số tiền 02 tỷ đồng;
- Giấy giao nhận tiền mặt ngày 01/02/2016 số tiền 02 tỷ đồng;
- Giấy giao nhận tiền mặt ngày 21/3/2016 số tiền 08 tỷ đồng;
- Biên bản xác nhận ngày 15/5/2018 giữa các thành viên Hội đồng quản trị Công ty Bình H;
- 03 giấy nộp tiền mặt tổng số tiền 05 tỷ đồng vào tài khoản tạm giữ Công an tỉnh Hà Tĩnh do Đinh Văn D tự nguyện khắc phục một phần hậu quả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2021/HSST, ngày 23 tháng 11 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Đinh Văn D tù Chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 12 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tại Bản án hình sự phúc thẩm số 268/2021/HSPT ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội để buộc bị cáo Đinh Văn D phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là tù Chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 08 tháng 6 năm 2018).
- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L 15 (mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.
- Hình phạt bổ sung: Áp dụng các khoản 2, 3 Điều 35; khoản 5 Điều 174

Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Xuân L số tiền 50.000.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự; xử:

- Buộc bị cáo Đinh Văn D phải bồi thường cho Ngân hàng BIDV Việt Nam số tiền 155,8 tỷ đồng (được trừ số tiền 05 tỷ đồng đã giao nộp trong quá trình điều tra). Nay còn phải bồi thường tiếp số tiền 150,8 tỷ đồng cho Ngân hàng BIDV Việt Nam.

- Chấp nhận ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Anh Q về việc giao toàn bộ cổ phần cho Ngân hàng BIDV Việt Nam quản lý, xử lý.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm Thái Thành V và Trần Anh Q phải hoàn trả lại tài sản được hưởng lợi không có căn cứ pháp luật là số cổ phần tương ứng (Thái Thành V là 50,98 tỷ đồng, Trần Anh Q là 32,32 tỷ đồng) do bị cáo Đinh Văn D chiếm đoạt chuyển cho Thái Thành V và Trần Anh Q.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 24/11/2021, bị cáo Đinh Văn D kháng cáo kêu oan.

Ngày 26/11/2021, bị cáo Nguyễn Xuân L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Đinh Văn D tiếp tục kêu oan, bị cáo cho rằng bị cáo không có hành vi gian dối và bị cáo không chiếm đoạt tiền của Ngân hàng BIDV như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết và xét xử bị cáo. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét khách quan để minh oan cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Xuân L, phần đầu phiên tòa bị cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ vụ án cho bị cáo, vì bị cáo không cùng với D chiếm đoạt tiền của Ngân hàng BIDV, bị cáo không gian dối và không chiếm đoạt tiền của ai cả. Nhưng sau đó, tại phần tranh luận công khai tại phiên tòa, cũng như khi nói lời sau cùng thì bị cáo đã nhận tội đúng như tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo, bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của bị cáo và mong được Hội đồng xét xử anh minh xét xử một cách khách quan để khoan hồng giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo, vì bị cáo không được bàn bạc cụ thể với bị cáo D. Tuy nhiên, qua phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo tự nhận thấy bị cáo đã có hành vi giúp sức cho bị cáo D, để nhằm nhận được Dự án để có nhiều việc làm cho anh em công nhân, có lợi cho công ty của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Sau khi kiểm tra tính có căn cứ pháp luật của bản án sơ thẩm thì đã khẳng định: Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm thì có đủ căn cứ vững chắc để khẳng định: Tòa án cấp sơ

thẩm đã kết án hai bị cáo D và L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật; do đó, không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo kêu oan của bị cáo D, đề nghị HĐXX phúc thẩm giữ nguyên các quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo Đinh Văn D.

Đối với bị cáo Nguyễn Xuân L: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt tù. Như vậy là bị cáo đã thay đổi nội dung kháng cáo từ kêu oan, sang nhận tội và xin được khoan hồng giảm nhẹ hình phạt tù. Hơn nữa, xét bị cáo không được bàn bạc một cách cụ thể với bị cáo D, mà bị cáo chỉ tiếp nhận hành vi gian dối, lừa đảo của bị cáo D, để mong sao có được Dự án để có thêm việc làm cho anh em công nhân nên bị cáo đã giúp sức cho bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội trái pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo không được hưởng lợi gì, bị cáo phạm tội lần đầu với vai trò giúp sức không đáng kể. Vì vậy, đề nghị HĐXX của tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ mức hình phạt tù cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Văn D:

Luật sư Chủ Văn Ctrình bày: Hội đồng quản trị của Bình H có 04 người, ông T là Chủ tịch, có lời khai không có căn cứ. Ông T khai chỉ làm Hội đồng quản trị danh dự, không tham gia về kinh tế. Nhưng đã ký hợp đồng kinh tế bán bò với Công ty Vĩnh Phát; Có nhận tiền của ông K chuyển cho; Để thành lập được Bình H, trách nhiệm của ông là rất rõ, ký giả mạo chữ ký của Trần Anh Q. Tôi cho rằng lời khai của ông T là không đúng thực tế, ông T phụ trách về tài chính, L 110 triệu đồng / tháng. Cơ quan điều tra trưng cầu giám định một vài tài liệu do ông T ký giả để kết luận ông Q không biết gì, nên bỏ ông Q ra ngoài vụ án này. Khi thành lập Công ty Bình H, ông T là người giao dịch với BIDV đầu tiên, ký Hợp đồng thuê mặt bằng tại Ngân hàng BIDV. Lời khai của ông D xuyên suốt rằng khi được L đến gặp, thương lượng về việc xin được thành đối tác để ký Hợp đồng xây lắp, trích lại 20%; ông D báo cáo lại với ông Thiều; sau đó mới trao đổi với ông Nguyễn Xuân L. Tuy ông T không góp vốn nhưng lại chỉ đạo toàn bộ. Ông D chỉ phụ trách bộ phận xây lắp, còn lại là ông Nguyễn Gia Thiều.

Trong vụ án này, nếu nói về hành vi, từ đầu đến nay chỉ là Công ty Bình H đại diện là ông D trích lại 20% gói thầu. Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh đã phải thay đi đổi lại 04 tội danh. Năm 2018 khởi tố, tạm giam về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Công ty Bình H. Trước đó đã xác minh tại Chi nhánh BIDV Hà Tĩnh thể hiện có câu chuyện 20%, có được xem là thiệt hại của Ngân hàng không, Ngân hàng trả lời không phải là thiệt hại của Ngân hàng. Sau đó BIDV có văn bản gửi Cơ quan điều tra xác định 20% không phải là thiệt hại của Ngân hàng. Khi vụ điều tra bổ sung, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh có văn bản yêu cầu BIDV Chi nhánh Hà Tĩnh trả lời rõ thiệt hại của Ngân hàng nhưng BIDV không trả lời. Tài liệu hồ sơ không có tài liệu thể hiện Ngân hàng bị chiếm đoạt. Sau đó Tòa án nhân dân phải trả hồ sơ điều tra bổ sung 04 lần tất cả.

Về tội danh Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nội dung bản án sơ thẩm, quan

điểm của đại diện Viện kiểm sát kết luận D có 02 nội dung gian dối, khai báo 06 tài sản không đúng 05 tài sản; sử dụng nguồn tiền 20% các nhà thầu chuyển về để góp vốn điều lệ làm vốn đối ứng.

+ 06 tài sản ông D kê khai với Bình H, không phải là tài sản đảm bảo làm điều kiện tiên quyết để Ngân hàng giải ngân. Quá trình duyệt đề tài trợ dự án này rất công phu. Bộ phận rủi ro kết luận không có tài sản đó, báo cáo Hội sở. Nên Hội sở mới ra Văn bản yêu cầu góp đủ 110 tỉ đồng mới cho ký kết Hợp đồng tín dụng. Đây là quyền của Ngân hàng. Không có việc gian dối để Ngân hàng tin giao tài sản cho để chiếm đoạt.

Về 20% trị giá gói thầu song song với việc góp vốn đối ứng, 20% đó là tiền là giao dịch dân sự giữa Bình H – Đại diện ông D với ông L và các nhà thầu khác. Không buộc phải chứng minh nguồn tiền nộp vào vốn đối ứng. Pháp luật không cấm cái đó. Không thể nói ông D gian dối để nộp tiền vốn đối ứng bằng 20% giá trị Hợp đồng xây dựng. Không kể tới vốn của cổ đông góp vào Ngân hàng. Ông D không có hành vi gian dối, buộc Ngân hàng tin và duyệt tài trợ vay vốn.

Hồ sơ vụ án không có tài liệu thể hiện ông D đại diện cho các cổ đông Công ty Bình H chiếm đoạt 155,8 tỉ đồng, từ biên bản hỏi cung, biên bản xác minh đều không thể hiện ông D chiếm đoạt tiền mà chỉ có văn bản khẳng định đó không phải tài sản ngân hàng.

Có 02 khoản vay, 01 là tài sản kinh doanh là bò, toàn bộ doanh thu bán bò là tài sản thế chấp, 02 là tài sản hình thành trong tương lai là vốn tự có trong Công ty và vốn vay của Ngân hàng. Tài sản đảm bảo không bao giờ hình thành theo giải ngân được. Đây là thuật ngữ dễ nhầm lẫn.

Mỗi khi Bình H được tạm ứng 50% các gói thầu, Ngân hàng yêu cầu Bình H thực hiện rất nhiều báo cáo, mỗi một gói thầu Ngân hàng đều thẩm định theo quy định pháp luật; có báo cáo phê duyệt đúng mới cho phép giải ngân. Không tự nhiên Ngân hàng cho giải ngân.

Tiền ngân hàng giải ngân cho Bình H ông D chứng minh rất nhiều lần. Hợp đồng tín dụng số 01 căn cứ vào Bộ luật dân sự, quy định tín dụng Ngân hàng để thiết lập. Nếu có tranh chấp phải được giải quyết theo Bộ luật dân sự đầu tiên, sau đó là Luật Ngân hàng. Nhưng Hợp đồng tín dụng này chưa có tranh chấp, đang có hiệu lực pháp luật.

Bộ luật dân sự quy định, đây là Hợp đồng vay tài sản, bên vay giao tài sản cho bên cho vay, kể từ thời điểm giao tài sản thì bên cho vay không còn quyền sở hữu tài sản đó nữa, mà bên vay có trách nhiệm trả nợ cho bên cho vay. Đối với tài sản Ngân hàng đòi hỏi điều kiện về thế chấp. Tiền ngân hàng giải ngân đều phải dựa trên hồ sơ, không phải là không, nếu không thì Ngân hàng sai. Tiền Ngân hàng đã giải ngân vào các gói thầu thuộc quyền sở hữu của các Nhà thầu. Các Nhà thầu có trách nhiệm sử dụng tiền để thực hiện các hạng mục được thi công theo gói thầu. Không được coi là dòng tiền chạy từ ngân hàng ra. Hợp đồng tín dụng số 01 quy định nợ dài hạn 10 năm, Ngân hàng vẫn đang xác nhận Công ty Bình H còn nợ.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo D vô tội.

Luật sư Ngô Thị Thu H trình bày: Theo bản án sơ thẩm, bị cáo D có hành vi gian dối là kê khai 06 tài sản tôi xin phép không nhắc lại do Luật sư C đã phát biểu. Về hành vi xoay vòng vốn bằng việc ký các hợp đồng kinh tế, dùng tiền góp vốn của các cổ đông thì tôi không đồng tình vì lý do sau:

1. Giữa Công ty Bình H và Công ty HAGL là đối tác hợp tác kinh tế, đã ký các Hợp đồng kinh tế hợp pháp, nên việc Bình H chuyển tiền cho Công ty HAGL là theo Hợp đồng đã được ký kết chứ không phải là dùng tiền góp vốn của các cổ đông để chuyển cho Công ty HAGL.

Trong suốt quá trình xét xử, bị cáo D khẳng định khoản vay 41 tỉ đồng là khoản vay cá nhân với Công ty HAGL. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lời khai tại bút lục 119690, 119691 của ông Bình, ông Vĩnh hoàn toàn phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ. Bút lục 119688, 119689 giữa ông D với Công ty HAGL với số tiền 41 tỉ đồng. Tại ủy nhiệm chi tại Bút lục 119691. Số tiền 47 tỉ đồng cụ thể tài khoản Bút lục 119691.

2. Bản án sơ thẩm cho rằng ông D thông đồng với L lập khống hồ sơ để BIDV giải ngân. Bị cáo L cho rằng đã ký kết 11 hợp đồng, nghiệm thu 9/11 hợp đồng, 2 hợp đồng chưa nghiệm thu do xảy ra vụ án này. Đến giờ chưa có cơ quan chuyên môn nào kết luận khối lượng trong Hợp đồng là gian dối.

3. Viện kiểm sát cho rằng sử dụng vốn sai mục đích của Ngân hàng. BIDV cũng có quan điểm tương tự. Kết quả thẩm vấn tại phiên tòa chứng minh toàn bộ dòng tiền từ BIDV đã chuyển cho các nhà thầu triển khai các hạng mục thi công, nên bị cáo D không liên quan đến số tiền này.

4. Về số tiền thiệt hại mà Bản án sơ thẩm đang quy kết, tôi cho rằng chưa có tài liệu nào chứng minh con số thiệt hại 115 tỉ đồng. Thứ nhất bị hại trong vụ án này không phải BIDV, nếu có thì cũng không phải là BIDV, vấn đề này Luật sư C đã chứng minh. Mới có Kết luận 80 tỉ là từ nguồn tiền của BIDV, còn 71,8 tỉ là của Pháp nhân nào thì chưa xác định rõ, do vậy tôi đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại do quá trình điều tra tại cấp sơ thẩm chưa đủ chứng cứ chứng minh bị cáo D Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Luật sư Nguyễn Văn C trình bày lời bào chữa:

1. Theo quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì trong vụ án này không giống các vụ án khác mà tại các tổ chức đặc biệt, rõ ràng hành vi gian dối của bị cáo là phải có hành vi gian dối trước để bị hại tin tưởng là thật sau đó mới chuyển giao tiền thì mới cấu thành tội. Bản án sơ thẩm căn cứ vào việc bị cáo D chuẩn bị kê khai tài sản, nhưng Ngân hàng có các bộ phận thẩm định, xác định chỉ có 1/6 là thực, vậy bị hại biết là không đủ nên đây không được cho rằng là hành vi gian dối của bị cáo. Nếu trong vụ án này gọi là hành vi lừa đảo thì không thể cho quá trình bị cáo D nộp 06 danh mục là lừa đảo.

2. Bị cáo có quyền huy động vốn, vay của Công ty HAGL có Hợp đồng rõ ràng đến tận bây giờ, nên không thể gọi là dùng tiền góp vốn của cổ đông khác để gian dối vay tiền Ngân hàng.

3. Bản án sơ thẩm xác định bị cáo tạo lập các hợp đồng không để ngân hàng giải ngân. Tuy nhiên không có hợp đồng nào vô hiệu, không mà đều đang thực hiện, phát sinh nghĩa vụ các bên.

4. Ngân hàng giải ngân trước 50% rồi các Nhà thầu lại chuyển ngược lại 20% để Công ty Bình H tăng vốn để BIDV lại giải ngân tiếp, tôi thấy rất lẩn quẩn trong việc xác định hành vi gian dối do BIDV đã chuyển tiền rồi. Tài sản chuyển theo Hợp đồng tín dụng không còn là của Ngân hàng mà của bên vay là bên các nhà thầu.

5. Bị cáo có chiếm đoạt hay không, bao nhiêu? Thì đây bị cáo với tư cách Tổng giám đốc của Bình H, làm theo chủ trương của Hội đồng quản trị, theo hợp đồng ký kết. Hợp đồng không phải qua bị cáo mà qua các Nhà thầu, nếu như Bản án sơ thẩm căn cứ lời khai ông K, Thế A,... nhưng lại phủ nhận những giấy đòi tiền, bút tích thì không phù hợp. Những nhà thầu này xác định chuyển trực tiếp cho nhà thầu khác như bị cáo L nhưng chỉ có bị cáo L bị quy kết tội. Như vậy là rất thiệt cho bị cáo L cần xem xét lại.

6. Kết luận giám định ngày 19/4/2018 sai phạm cả hình thức, cả nội dung và không đầy đủ trên tổng số tiền mới chỉ trên 80 tỉ đã kết luận là trên 155 tỉ đồng. bản án sơ thẩm nhận xét Kết luận giám định có thiếu sót nhưng Hội đồng xét xử xét thấy không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, điều này là vi phạm nghiêm trọng của cấp sơ thẩm cần xem xét lại.

7. Về xử lý vật chứng chông chéo, gây thiệt hại. Đó là: Tổng số tiền phải bồi thường là 155 tỉ, nhưng trong đó lại bao gồm toàn bộ cổ phần của bị cáo chiếm tới 45%, thì lại giao toàn bộ cho BIDV xử lý, mà lại vẫn buộc bị cáo bồi thường 155 tỉ nữa. vậy Ngân hàng được hưởng là sai. Về nguyên tắc là thu hồi là phải trừ đi cho bị cáo thì lại thu hồi thêm cả cổ phần của bị cáo là sai.

Hành vi của bị cáo là có sai phạm tuy nhiên không cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, vì thế đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra xác định lại tội danh của bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân L: Luật sư Phạm Văn A, trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L đã thừa nhận hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết đối với bị cáo. Bị cáo chỉ vì muốn có dự án về cho công ty để có nhiều việc làm cho anh em công nhân, nên bị cáo đã giúp sức cho bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, xét bị cáo không được bàn bạc cụ thể và không được hưởng lợi gì. Vì vậy, đề nghị giảm nhẹ mức hình phạt tù cho bị cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng BIDV: Cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án khách quan và đúng pháp luật rồi; do đó, đề nghị HĐXX phúc thẩm giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm có liên quan đến Ngân hàng BIDV.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa,

trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến tranh luận của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh và các Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và Kiểm sát viên tỉnh, của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký tòa án trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp lệ, đúng pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án và áp dụng pháp luật:

Bị cáo Đinh Văn D với vai trò là người đại diện theo pháp luật, trực tiếp điều hành, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về mọi hoạt động của Công ty Bình H. Bị cáo Đinh Văn D nắm rõ toàn bộ điều khoản, quyền và nghĩa vụ của công ty Bình H khi ký các hợp đồng nói trên. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì bị cáo Đinh Văn D đã có hành vi gian dối ngay từ đầu trong việc kê khai 06 danh mục tài sản (nhưng chỉ có 01 tài sản là của bị cáo, còn 05 tài sản mà bị cáo kê khai là không có trong thực tế không phải là của bị cáo, việc bị cáo biết không phải là tài sản của bị cáo, nhưng vẫn kê khai để chứng minh năng lực thực tế về tài chính của bản thân và của công ty bị cáo thì ngân hàng BIDV mới tài trợ tín dụng. Sau khi được Ngân hàng BIDV phê duyệt tài trợ tín dụng cho công ty Bình H thì D đã chuyển cho Công ty Hoàng A2 Gia L1 41 tỉ đồng, ngay sau đó Đinh Văn D đã vay lại chính số tiền này mà D vừa chuyển cho Công ty Hoàng A2 Gia L1 vay với mục đích là để chứng minh số vốn tự có của bản thân. Đinh Văn D còn có hành vi thông đồng, cấu kết với Nguyễn Xuân L là Giám đốc Công ty Tân Đại V trước khi ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng BIDV và D còn thỏa thuận với Trịnh Hồng T6 – Giám đốc công ty D Đ5; Lâm Tăng K – Giám đốc công ty Hanfle; Nguyễn Thế A1 – Giám đốc Công ty Hoàng A2 Việt Nam về việc trích lại 20% giá trị các hợp đồng xây lắp, hợp đồng kinh tế và lập hồ sơ thanh quyết toán theo yêu cầu, đơn hợp đồng; Từ đó, theo yêu cầu của D đề nghị Ngân hàng BIDV (Hà Tĩnh) tiến hành giải ngân tạm ứng 50% giá trị hợp đồng vào tài khoản của các nhà thầu, để các nhà thầu chuyển lại cho D 20% của tổng giá trị hợp đồng; tiếp đến D còn chỉ đạo sử dụng số tiền này góp vốn vào Công ty Bình H dưới danh nghĩa cá nhân cổ đông, cụ thể: Đinh Văn D 72,5 tỷ đồng, Trần Anh Q 32,32 tỉ đồng và Thái Thành V là 50,98 tỷ đồng.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2015 đến tháng 12 năm 2016 Đinh Văn D đã nhận của các nhà thầu tính ra từ 40 hợp đồng thi công Dự án Công ty Bình H số tiền 201,8 tỉ đồng. Trong đó, có 46 tỉ đồng được BIDV giải ngân từ TK 52010000339999 – TK 52082000488863 là tài khoản của tiền

vay của Công ty Bình H. Sau khi có tiền thì D đã sử dụng không đúng mục đích nguồn tiền do Ngân hàng BIDV giải ngân để chứng minh vốn tự có của bản thân bị cáo và 02 cổ đông là Trần Anh Q và Thái Thành V với mục đích là đáp ứng đầy đủ vốn đối ứng để tiếp tục được ngân hàng BIDV giải ngân. Sau khi có được 155,8 tỉ đồng thì D đã sử dụng số tiền này góp vốn vào công ty chăn nuôi Bình H, cụ thể là Đinh Văn D, Trần Anh Q và Thái Thành V đã góp vốn vào công ty Bình H với số tiền của từng người cụ thể như đã nêu trên. Với thủ đoạn gian dối như đã nêu trên, thì Đinh Văn D đã chiếm đoạt của BIDV 155,8 tỉ đồng như Cáo trạng tuy tố và Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo là đúng pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Xuân L: Mặc dù, L là giám đốc Công ty Tân Đại V và nhận thức được khi ký hợp đồng thì bắt buộc phải thực hiện đúng các nội dung đã cam kết trong hợp đồng, việc trích lại 20% là vi phạm hợp đồng và trái pháp luật, bởi trong Hợp đồng không có nội dung phải trích lại 20%. Nhưng, do trước đó bị cáo đã thỏa thuận với Đinh Văn D về việc trích lại 20% để đưa cho D (BL 730, 9228, 9229, 9252, 9253, 9254). Các BL 679, 683-687; các BL 691, 692, 696, 701, 702; 9258, 9259. Bị cáo biết rõ nguồn tiền Ngân hàng BIDV chi nhánh Hà Tĩnh cho công ty Bình H vay là để sử dụng vào xây dựng cơ bản, nhưng với mục đích của L là để được nhận, ký kết các Hợp đồng nhằm tạo công ăn việc làm cho công nhân, nên L đã đồng ý thỏa thuận với Đinh Văn D để ngồi nộp lại 20% cho D, trong khi công trình chưa tiến hành hoặc tiến hành chưa xong. Trên thực tế, Nguyễn Xuân L đã ký 11 hợp đồng với công ty Bình H và trong đó có dự án đã được nghiệm thu xong rồi, nhưng bị cáo L vẫn tiếp tục lập không hồ sơ để thanh toán hợp đồng, như hợp đồng số 01 và 04 của các công ty là Hồng L2 và Công ty Chinh Hà. Việc Đinh Văn D yêu cầu bị cáo L lập không hồ sơ thanh toán như vậy mà thực chất là để Ngân hàng BIDV giải ngân tiền thực hiện hợp đồng về cho các nhà thầu và ngay sau đó thì bị cáo L thu lại rồi chuyển cho Đinh Văn D như đã thỏa thuận trước đó.

Xét thấy, bị cáo Nguyễn Xuân L đã có hành vi giúp sức cho bị cáo Đinh Văn D, bởi lẽ 20% dòng tiền được ngân hàng BIDV giải ngân tạm ứng cho công trình được các nhà thầu chuyển lại cho bị cáo Đinh Văn D ngay trong ngày hoặc 1 ngày sau đó, trong khi công trình lại còn chưa thì công xong và chưa thể đánh giá là có lợi nhuận hay không. Việc bị cáo L cho rằng việc trích phần trăm cho bị cáo Đinh Văn D cũng chỉ là thỏa thuận dân sự, còn Đinh Văn D khai do L tự nguyện là không có căn cứ, không phù hợp lời khai của bị cáo L.

Về hành vi gian dối của bị cáo Đinh Văn D, HĐXX cấp phúc thẩm thấy: Do muốn được Ngân hàng chấp nhận cho giải ngân tiền, nên Đinh Văn D đã lập không, lập không đúng 6 Danh mục làm tài sản thế chấp để được vay ngân hàng, nhưng bị Ngân hàng phát hiện 5 trong 6 Danh mục là giả, không phải tài sản của D. Sau đó, Ngân hàng đã chuyển sang đồng ý cho D vay với vốn đối ứng 110 tỉ đồng thì D lại sử dụng nhiều chiêu trò, nhiều nguồn tiền khác nhau, không chỉ là tiền của D. Việc truy tố và xét xử các bị cáo đều về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là có căn cứ đúng pháp luật. Từ những phân tích, đánh giá về hành vi phạm tội của các bị cáo Đinh Văn D và Nguyễn Xuân L như đã nêu trên và các chứng

cứ, tài liệu có trong hồ sơ có đủ căn cứ khẳng định các bị cáo Đinh Văn D và Nguyễn Xuân L đều phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Việc bị cáo Đinh Văn D không nhận tội thì chỉ là hòng trốn tránh trách nhiệm hình sự trước pháp luật mà thôi. Xét vai trò vị trí trong vụ án này, thì bị cáo Đinh Văn D chịu trách nhiệm chính, còn bị cáo Nguyễn Xuân L là đồng phạm với vai trò giúp sức có mức độ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Xuân L đã thừa nhận hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình và khi vụ án bị phát hiện thì bị cáo L đã thành khẩn khai báo, chủ động cung cấp đầy đủ các chứng cứ, tài liệu liên quan trong vụ án, giúp cơ quan điều tra chứng minh rõ sự thật vụ án nên được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án” quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo lại có bố là thương binh 4/4, được tặng thưởng nhiều Huân Huy chương và bị cáo không được hưởng lợi đồng nào về số tiền mà D chiếm đoạt được; do đó, xét cần giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt tù; cho phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo L. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX giảm nhẹ cho bị cáo L 1 phần hình phạt tù vì ngoài tình tiết giảm nhẹ của bị cáo trong xét xử sơ thẩm, thì tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thay đổi kháng cáo từ kêu oan sang xin giảm nhẹ.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Mặc dù, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo D phải bồi thường cho BIDV 155,8 tỷ đồng, nhưng lại không trừ cho bị cáo D về khoản tiền mà Thái Thành V phải hoàn trả lại 50,98 tỷ đồng và Trần Anh Q phải hoàn trả lại 32, 32 tỷ đồng là không chính xác, không đúng pháp luật. Vì vậy, cần sửa lại để đảm bảo quyền lợi cho bị cáo Đinh Văn D.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bị cáo Đinh Văn D phải chịu án phí 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Xuân L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên và căn cứ vào các Điều 355, 356, 357 Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận nội dung kháng cáo kêu oan của bị cáo Đinh Văn D, để giữ nguyên bản án sơ thẩm số 56 ngày 23/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đối với bị cáo D.

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Văn D mức hình phạt tù **chung thân** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 và Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp với hình phạt 12 năm tù tại Bản án hình sự phúc thẩm số 268 ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, buộc bị cáo Đinh Văn D phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình

phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị bắt tạm giam (8/6/2018).

Chấp nhận nội dung đơn kháng cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt tù của bị cáo Nguyễn Xuân L, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 56 ngày 23/11/2021 của Tòa án Hà Tĩnh về phần hình phạt tù đối với bị cáo L .

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 586 và 589 Bộ luật dân sự, xử: Buộc bị cáo Đinh Văn D phải bồi thường số tiền 155,8 tỉ đồng cho Ngân hàng BIDV Việt Nam, được tính trừ số tiền 5 tỷ đồng ứng trước đó và được trừ khoản tiền 50,98 tỷ đồng mà Thái Thành V và 32,32 tỷ đồng mà Trần Anh Q phải hoàn trả lại như bản án sơ thẩm đã tuyên xử, vì số tiền của V và Q là do Đinh Văn D chiếm đoạt đem nộp, đứng tên V và Q.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (28/9/2022).

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Bị cáo D (qua trại);
- Bị cáo L (theo địa chỉ);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Nguyễn Xuân Hùng